

Số: 19 /NQ-HĐND

Cần Thơ, ngày 25 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc giao chi tiết, điều chỉnh bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025
thành phố Cần Thơ các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 1500/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1508/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2025, giao dự toán, kế hoạch đầu tư công từ nguồn tăng thu ngân sách trung ương, kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn ngân sách trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc điều chỉnh Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc sửa đổi điểm e khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc giao, cho ý kiến kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 thành phố Cần Thơ các nguồn vốn thuộc ngân sách nhà nước;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về việc giao chi tiết, điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thành phố Cần Thơ từ các nguồn vốn ngân sách địa phương: số 47/NQ-HĐND ngày 27 tháng 8 năm 2021; số 66/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021; số 15/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022; số 29/NQ-HĐND ngày 24 tháng 8 năm 2022; số 44/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022; số 04/NQ-HĐND ngày 17 tháng 3 năm 2023; số 05/NQ-HĐND ngày 17 tháng 3 năm 2023; số 22/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2023; số 23/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2023; số 49/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023; số 50/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023; số 05/NQ-HĐND ngày 09 tháng 4 năm 2024; số 13/NQ-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2024; số 21/NQ-HĐND ngày 05 tháng 7 năm 2024; số 39/NQ-HĐND ngày 12 tháng 11 năm 2024; số 40/NQ-HĐND ngày 12 tháng 11 năm 2024; số 46/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024; số 47/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2024; số 15/NQ-HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2025; số 17/NQ-HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2025; số 18/NQ-HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2025;

Xét Tờ trình số 77/TTr-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc giao chi tiết Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 các nguồn vốn thuộc ngân sách địa phương thành phố Cần Thơ; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Giao chi tiết, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 các nguồn vốn ngân sách địa phương với tổng số vốn là 853,460 tỷ đồng, cụ thể như sau:

1. Vốn chuẩn bị đầu tư, vốn quy hoạch: Giao chi tiết 8,245 tỷ đồng cho 10 dự án/đề án quy hoạch.

2. Vốn thực hiện dự án: Tổng số vốn giao chi tiết, điều chỉnh là 845,215 tỷ đồng của 19 dự án, cụ thể:

- Điều chỉnh giảm 31,763 tỷ đồng của 03 dự án.

- Bổ sung 876,978 tỷ đồng cho 16 dự án (Trong đó bao gồm 04 dự án chuyển tiếp có thời gian bố trí vốn vượt quá 01 năm so với quy định).

(Chi tiết dự án theo Phụ lục I, II đính kèm)

Điều 2. Điều chỉnh đơn vị giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 vốn ngân sách nhà nước của 03 dự án từ Sở Giao thông vận tải sang Sở Xây dựng theo Phụ lục III đính kèm.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

Ủy ban nhân dân thành phố chịu trách nhiệm toàn diện trước Hội đồng nhân dân thành phố, cơ quan thanh tra, kiểm toán, cơ quan liên quan khác về tính chính xác của thông tin số liệu của dự án, mức vốn phân bổ cho từng dự án theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ khóa X, kỳ họp thứ hai mươi (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 25 tháng 4 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Đoàn đại biểu Quốc hội TP. Cần Thơ;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND thành phố;
- UBND TP. Cần Thơ;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND quận, huyện;
- Website Chính phủ;
- TT. Điều hành đô thị thông minh;
- TT. Lưu trữ lịch sử;
- Báo Cần Thơ, Đài PT và TH TP. Cần Thơ;
- Lưu: VT, HĐND, 250.



Phạm Văn Hiếu

Phụ lục I
DANH MỤC DỰ ÁN GIAO CHI TIẾT KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 CÁC NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án A/B/C	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư/tư toán chốt		Kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025		Lấy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2024		Kế hoạch vốn năm 2025 trước khi điều chỉnh	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh (tăng/giảm)					Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh
							TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Cân đối NSDP	Sử dụng đất	XSKT	Thu vượt Tiền sử dụng đất năm 2023	Thu vượt XSKT năm 2023	
	Tổng số=A+B						5.731.178	3.290.266	2.817.121	2.999.668	1.310.154	323.944	853.460	236.820	358.052	0	45.000	213.588	1.177.404
A	Vốn quy hoạch, chuẩn bị đầu tư						93.937	93.937	39.579	49.099	49.099	0	8.245	8.245	0	0	0	0	8.245
I	Trưởng Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật						198	198	180	0	0	0	180	180	0	0	0	0	180
	Cải tạo, nâng cấp Khố nhà thực hành, triển lãm và Phòng thu âm và phòng dạy nhạc cụ âm thanh lớn (trống, kèn) và mua sắm trang thiết bị, Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Cần Thơ		Ninh Kiều		2025	237/UBND-XDDT ngày 14/01/2025; 07/QĐ-TCĐ.VHNT													180
II	UBND huyện Vĩnh Thạnh						2.180	2.180	500	0	0	0	500	500	0	0	0	0	500
	Khu tái định cư Vĩnh Thạnh giai đoạn 2	8122580	Vĩnh Thạnh		2025	5587/UBND-XDDT ngày 10/12/2024; 02A/QĐ-UBND ngày 02/01/2025	2.180	2.180	500				500	500					500
III	UBND quận Thốt Nốt						3.041	3.041	1.000	0	0	0	500	500	0	0	0	0	500
	Khu tái định cư quận Thốt Nốt (Khu 2), phường Trung Kiên		Thốt Nốt		2025	5206/UBND-XDDT ngày 20/11/2024 188/QĐ-UBND ngày 10/02/2025	3.041	3.041	1.000				500	500					500
IV	Sở Tài chính						57.535	57.535	30.838	49.099	49.099	0	135	135	0	0	0	0	135
	Quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	7853750	TP. Cần Thơ		2020-2024	1056/QĐ-TTg ngày 20/7/2020 2180/QĐ-UBND ngày 07/10/2020	57.535	57.535	30.838	49.099	49.099		135	135					135
V	Sở Y tế						681	681	681	0	0	0	550	550	0				550
	Máy gia tốc tuyến tính (LINACS) tại Bệnh viện Ung bướu thành phố Cần Thơ	8109479	Ninh Kiều		2025	3935/UBND ngày 13/9/2024; 2183/QĐ-UBND ngày 04/10/2024	681	681	681				550	550					550
VI	Sở Xây dựng						4.989	4.989	4.380	0	0	0	4.380	4.380	0	0	0	0	4.380
1	Đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dịch vụ tổng hợp, logistics khu bến Cái Cui		Cái Răng		2025	38/QĐ-UBND ngày 08/01/2025	412	412	412				412	412					412
2	Đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dịch vụ tổng hợp, logistics khu Bến cảng Thốt Nốt		Thốt Nốt		2025	39/QĐ-UBND ngày 08/01/2026	382	382	382				382	382					382

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án A/B/C	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/dự toán chốt				Lấy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2024				Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh (tăng/giảm)								Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025	Tổng số	Trong đó: vốn NSDP	Kế hoạch vốn năm 2025 trước khi điều chỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách địa phương								
															Cân đối NSDP	Sử dụng đất	XSKT	Thu vượt Tiền sử dụng đất năm 2023	Thu vượt XSKT năm 2023				
	Đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 cụm cảng biển, bến thủy nội địa và kho bãi phục vụ tại phường Phước Thới và phường Thới An, quận Ô Môn			Ô Môn		2025	344/QĐ-UBND ngày 14/02/2025	586	586	586				586	586						586		
3	Xây dựng cầu vượt tại Nút giao số 1 (Mẫu Thân - 3 Tháng 2 - Trần Hưng Đạo) và nút giao số 4 (Nguyễn Văn Linh – Ba Tháng Hai)			Ninh Kiều		2025	1323/UBND-XDDT ngày 25/03/2025	3.609	3.609	3.000				3.000	3.000						3.000		
VII	Ban QLDA Đầu tư xây dựng thành phố							25.313	25.313	2.000	0	0	0	2.000	2.000	0	0	0	0	0	2.000		
1	Đường Vành đai phía Tây thành phố Cần Thơ (nút Quốc lộ 91 đến Quốc lộ 80)			Ô Môn - Cù Đê - Thốt Nốt		2025	1646/UBND-XDDT ngày 14/04/2025	25.313	25.313	2.000				2.000	2.000						2.000		
B	Vốn thực hiện dự án							5.637.241	3.196.329	2.777.542	2.950.569	1.261.055	323.944	845.215	228.575	358.052	0	45.000	213.588	1.169.159			
I	Số Xây dựng							1.059.915	549.967	531.674	382.698	62.698	0	354.377	22.284	300.330	31.763	0	0	0	354.377		
	Dự án chuyển tiếp							1.059.915	549.967	531.674	382.698	62.698	0	354.377	22.284	300.330	31.763	0	0	0	354.377		
1	Trạm dừng, nhà chờ xe buýt: 501 điểm dừng đón trả khách hiện đại	C	7864623	TP. Cần Thơ		2022-2025	UBND ngày 05/4/2022; 49/QĐ-UBND ngày 13/01/2025.	24.304	24.304	24.690	10.734	10.734		2.000		2.000					2.000		
2	Xây dựng và nâng cấp mở rộng Đường tỉnh 923	B	7861309	Ô Môn - Phong Điền		2021-2025	38/NQ-HĐND ngày 04/12/2020 2728/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	1.035.611	525.663	506.984	371.964	51.964		352.377	22.284	298.330	31.763				352.377		
II	Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố							185.101	42.861	42.191	142.604	604	0	42.191	42.191	0	0	0	0	0	42.191		
	Dự án chuyển tiếp							185.101	42.861	42.191	142.604	604	0	42.191	42.191	0	0	0	0	0	42.191		
	Trường bán đồng bằng sông Cửu Long	B	7004686	Cù Đê		2009-2026	3077/QĐ-BQP ngày 04/9/2009; 148/QĐ-QK ngày 21/01/2025	185.101	42.861	42.191	142.604	604		42.191	42.191						42.191		
III	Công an thành phố							8.493	8.493	8.124	7.880	7.880	0	16	16	0	0	0	0	0	16		
	Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng							8.493	8.493	8.124	7.880	7.880	0	16	16	0	0	0	0	0	16		
	Trạm Cảnh sát giao thông đường thủy Văn Thơ An tại Công an thành phố Cần Thơ	C	7004692	Ô Môn		2022-2023	248/QĐ-SXD ngày 02/12/2021	8.493	8.493	8.124	7.880	7.880		16	16						16		
IV	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch							31.787	31.787	21.787	27.107	27.107	765	280	280	0	0	0	0	0	1.045		
	Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng							31.787	31.787	21.787	27.107	27.107	765	280	280	0	0	0	0	0	1.045		
1	Chính lý, trưng bày Bảo tàng thành phố Cần thơ	C	7740331	Ninh Kiều		2020-2022	2210/QĐ-UBND ngày 16/9/2019	26.864	26.864	16.978	22.555	22.555	765	238	238						1.003		
2	Sửa chữa, nâng cấp nhà ở văn động viên Khu liên hợp Thể dục thể thao TP Cần Thơ	C	7944627	Ninh Kiều		2022-2024	303/QĐ-SXD ngày 04/11/2022	4.923	4.923	4.809	4.552	4.552		42	42						42		
V	Chi cục Thủy lợi							429.743	159.910	121.749	290.490	83.145	0	77.062	32.062	0	0	0	45.000	0	77.062		

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án A/B/C	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/dự toán cbdt			Kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025	Lấy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2024		Kế hoạch vốn năm 2025 trước khi điều chỉnh	Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh (tăng/giảm)					Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh	
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số	Trong đó: vốn NSDP		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Cân đối NSDP	Sử dụng đất	XSKT	Thu vượt Tiền sử dụng đất năm 2023		Thu vượt XSKT năm 2023
	Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng						14.821	14.821	14.821	7.172	14.512	14.512	0	56	0	0	0	56		
	Dự án Khắc cấp khắc phục tình trạng sụt lún bờ sông trên tuyến kênh Giáo Dũn, khu vực Tân Quý, phường Trường Lạc, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ	C	786251	Ô Môn		2020-2021	263/QĐ-SNN&PTNT ngày 27/10/2020	14.821	14.821	7.172	14.512	14.512		56				56		
	Dự án chuyển tiếp							414.922	145.089	114.577	275.978	68.633	0	77.006	32.006	0	45.000	0	77.006	
1	Kê chống sụt lún sông Ô Môn (đoạn từ vàm Ba Rich đến rạch Cam Mỹ), khu vực Thới Hòa, phường Thới An, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ - GIAI ĐOẠN I: đoạn từ vàm Ba Rich đến kênh Thủy lợi 1	C	7888415	Ô Môn		2021-2025	650/QĐ-UBND ngày 24/3/2021; 650/QĐ-UBND ngày 24/03/2025	99.985	33.767	33.767	71.178	17.645		16.122	16.122				16.122	
2	Kê chống sụt lún, chống xâm nhập mặn, ứng phó biến đổi khí hậu khu vực rạch Cái Sơn	B	7633286	Ninh Kiều - Bình Thủy		2017-2025	1315/QĐ-UBND ngày 24/5/2018; 918/QĐ-UBND ngày 14/4/2025	314.937	111.322	80.810	204.800	50.988		60.884	15.884		45.000		60.884	
VI	Sở Nội vụ							876	876	1.140	48.225	2.225	0	252	252	0	0	0	252	
	Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng							876	876	1.140	48.225	2.225	0	252	252	0	0	0	252	
1	Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc Ban Tôn giáo trực thuộc Sở Nội vụ TP.Cần Thơ	C	7865821	Ninh Kiều		2022-2023	99/QĐ-SXD ngày 13/7/2021	876	876	1.140	840	840		5	5				5	
2	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm bảo trợ xã hội thành phố Cần Thơ	B	7590973	Ô Môn		2017-2022	2842/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 3192/QĐ-UBND ngày 07/12/2017	49.975	4.975	1.697	47.385	1.385		247	247				247	
VII	Ban QLDA Đầu tư xây dựng thành phố							3.071.058	1.632.167	1.338.164	1.531.606	624.404	145.000	385.021	131.433	40.000	0	213.588	530.021	
	Dự án chuyển tiếp							3.071.058	1.632.167	1.338.164	1.531.606	624.404	145.000	385.021	131.433	40.000	0	213.588	530.021	
1	Đường tỉnh 918 (giai đoạn 2)	B	7865522	Bình Thủy - Phong Điền		2021-2025	3664/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 2874/QĐ-UBND ngày 13/12/2024	877.891	344.441	313.967	424.237	135.950		110.000		40.000		70.000	110.000	
2	Đường tỉnh 921: Đoạn tuyến thẳng (điểm đầu giao với tuyến tránh Thốt Nốt - điểm cuối giao với đường cao tốc Cần Thơ - Sóc Trăng - Châu Đốc)	B	7865523	Thốt Nốt - Cờ Đỏ		2021-2025	1351/QĐ-UBND ngày 28/6/2021 2875 ngày 13/12/2024	952.441	608.000	343.641	493.170	202.255		138.110	68.110			70.000	138.110	
3	Xây dựng và nâng cấp mở rộng đường tỉnh 917	B	7863972	Bình Thủy - Phong Điền		2021-2025	3611/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 2844/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	1.240.726	679.726	680.556	614.199	286.199	145.000	136.911	63.323			73.588	281.911	

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án A/B/C	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/dự toán chốt				Kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn nguồn NSDP giải đoạn 2021-2025	Lấy kế vốn đã giải ngân đến hết năm 2024		Kế hoạch năm 2025 điều chỉnh (tăng/giảm)							Kế hoạch vốn năm 2025 sau điều chỉnh
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Kế hoạch vốn năm 2025 trước khi điều chỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách địa phương					
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP	Tổng số						Trong đó: vốn NSDP	Cân đối NSDP	Sử dụng đất	XSKT	Thu vượt Tiền sử dụng đất năm 2023	
VIII	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư - Thương mại và Hội chợ Triển lãm Cần Thơ						14.996	14.996	14.134	14.508	14.508	0	57	57	0	0	0	0	0	57	
	Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng						14.996	14.996	14.134	14.508	14.508	0	57	57	0	0	0	0	0	57	
	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm Xúc tiến Đầu tư - Thương mại và Hội chợ triển lãm Cần Thơ	C	7903244	Ninh Kiều		2022-2024	3646/QĐ-UBND ngày 02/12/2021	14.996	14.996	14.134	14.508	14.508		57	57					57	
IX	Trường CD Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ						43.958	43.958	43.999	40.280	40.280	126	-76	0	0	-76	0	0	0	50	
*	Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng						43.958	43.958	43.999	40.280	40.280	126	-76	0	0	-76	0	0	0	50	
	Khu giảng đường dạy D, E thuộc Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ	C	7865212	Ninh Kiều		2022-2024	3796/QĐ-UBND ngày 9/12/2021	43.958	43.958	43.999	40.280	40.280	126	-76				-76		50	
X	Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Thạnh						686.315	686.315	636.709	397.756	397.756	178.053	-31.687	0	0	-31.687	0	0	0	146.366	
	Dự án chuyển tiếp						686.315	686.315	636.709	397.756	397.756	178.053	-31.687	0	0	-31.687	0	0	0	146.366	
1	Đường nối từ Quốc lộ 80 vào Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh	B	7.965.631	Vĩnh Thạnh		2023-2025	4070-QĐ-UBND ngày 18/11/2022	172.413	172.413	172.709	123.356	123.356	23.453	-12.687				-12.687		10.766	
2	Khu tái định cư phục vụ Khu công nghiệp huyện Vĩnh Thạnh (giai đoạn 1)	B	7.965.629	Vĩnh Thạnh		2023-2025	2479-QĐ-UBND ngày 03/7/2023	513.902	513.902	464.000	274.400	274.400	154.600	-19.000				-19.000		135.600	
XI	Ủy ban nhân dân quận Cái Răng						104.999	24.999	17.871	67.415	448	0	17.722	0	17.722	0	0	0	0	17.722	
	Dự án chuyển tiếp						104.999	24.999	17.871	67.415	448	0	17.722	0	17.722	0	0	0	0	17.722	
	Tuyến đường lộ hậu Kênh Thanh Đông nối Mù U - Bến Bạ	B	7.619.340	Cái Răng		2018-2025	2861/QĐ-UBND 30/10/2017 732/QĐ-UBND ngày 21/03/2025	104.999	24.999	17.871	67.415	448		17.722		17.722				17.722	



Phụ lục II
DANH MỤC DỰ ÁN CÓ THỜI GIAN BỐ TRÍ VỐN VƯỢT QUÁ 01 NĂM SO VỚI QUY ĐỊNH
(Kèm theo Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố)

TT	Danh mục dự án	Nhóm dự án A/B/C	Mã dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư/dự toán cbdt			Kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025	Lũy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024		Kế hoạch vốn bố trí năm 2025
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT			Tổng số	Trong đó: vốn NSDP	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP				
	TỔNG SỐ							705.022	212.950	174.639	485.997	69.685	136.919
I	Chi cục Thủy lợi							414.922	145.090	114.577	275.978	68.633	77.006
	Dự án chuyển tiếp							414.922	145.090	114.577	275.978	68.633	77.006
1	Kê chống sạt lở, chống xâm nhập mặn, ứng phó biến đổi khí hậu khu vực rạch Cái Sơn	B	7633286	Ninh Kiều - Bình Thủy		2017-2025	1315/QĐ-UBND ngày 24/5/2018; 918/QĐ-UBND ngày 14/4/2025	314.937	111.323	80.810	204.800	50.988	60.884
2	Kê chống sạt lở sông Ô Môn (đoạn từ vàm Ba Rich đến rạch Cam Mỹ), khu vực Thới Hòa, phường Thới An, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ - GIAI ĐOẠN 1: đoạn từ vàm Ba Rich đến kênh Thủy lợi 1	C	7888415	Ô Môn		2021-2025	650/QĐ-UBND ngày 24/3/2021; 650/QĐ-UBND ngày 24/03/2025	99.985	33.767	33.767	71.178	17.645	16.122
II	Ủy ban nhân dân quận Cái Răng							104.999	24.999	17.871	67.415	448	17.722
	Dự án chuyển tiếp							104.999	24.999	17.871	67.415	448	17.722
1	Tuyến đường lộ hậu Kênh Thanh Đông nối Mù U - Bến Bạ	B	7619340	Cái Răng		2018-2025	2861/QĐ-UBND 30/10/2017 7312/QĐ-UBND ngày 21/03/2025	104.999	24.999	17.871	67.415	448	17.722
III	Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố							185.101	42.861	42.191	142.604	604	42.191
	Dự án chuyển tiếp							185.101	42.861	42.191	142.604	604	42.191
1	Trường bắn đồng bằng sông Cửu Long	B	7004686	Cờ Đỏ		2009-2026	3077/QĐ-BQP ngày 04/9/2009; 148/QĐ-QK ngày 21/01/2025	185.101	42.861	42.191	142.604	604	42.191

Đơn vị tính: triệu đồng



Phụ lục III
DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH ĐƠN VỊ GIAO KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 CÁC NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
(Kèm theo Nghị quyết số 19/NQ-HĐND ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án	Mã dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn giai đoạn 2021-2025				Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024				Kế hoạch năm 2025		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMĐT		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Sử dụng đất	Trong đó gồm các nguồn vốn		
								NSDP	NSTW		NSDP	NSTW		NSDP	NSTW					
A	Trước khi điều chỉnh																			
	Sở Giao thông vận tải						4.923.301	2.397.638	2.525.663	4.481.831	1.956.168	2.525.663	1.520.000	2.653.934	1.133.934	1.520.000	1.320.039	314.376	1.005.663	
**	Dự án chuyển tiếp						4.873.353	2.347.690	2.525.663	4.431.831	1.906.168	2.525.663	1.520.000	2.652.884	1.132.884	1.520.000	1.315.039	309.376	1.005.663	
1	Đường vành đai phía Tây thành phố Cần Thơ (nối Quốc lộ 91 với Quốc lộ 61C)	Ô Môn - Bình Thủy - Phong Điền - Ninh Kiều - Cái Răng	A	7863251	2021-2026	3543/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	3.837.742	1.837.742	2.000.000	3.399.184	1.399.184	2.000.000	1.200.000	2.283.884	1.083.884	1.200.000	1.109.376	309.376	800.000	
2	Xây dựng và nâng cấp mở rộng Đường tỉnh 923	Ô Môn - Phong Điền	B	7861309	2021-2025	1466/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 2728/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	1.035.611	509.948	525.663	1.032.647	506.984	525.663	320.000	369.000	49.000	320.000	205.663		205.663	
***	Dự án khởi công mới						49.948	49.948	0	50.000	50.000	0	1.050	1.050	1.050	0	5.000	5.000		
	Đầu tư hệ thống quản lý giao thông thông minh (ITS) thành phố Cần Thơ giai đoạn I (Triển khai các hạng mục như Tủ tín hiệu, đèn tín hiệu, Camera quan sát CCTV, Hệ thống đỗ xe VDS và Trung tâm điều khiển)	TP. Cần Thơ	C	7868637	2023-2025	1336/QĐ-UBND ngày 06/06/2023	49.948	49.948		50.000	50.000			1.050	1.050		5.000	5.000		
B	Sau khi điều chỉnh																			
	Sở Xây dựng						4.923.301	2.397.638	2.525.663	4.481.831	1.956.168	2.525.663	1.520.000	2.653.934	1.133.934	1.520.000	1.320.039	314.376	1.005.663	
**	Dự án chuyển tiếp						4.873.353	2.347.690	2.525.663	4.431.831	1.906.168	2.525.663	1.520.000	2.652.884	1.132.884	1.520.000	1.315.039	309.376	1.005.663	
1	Đường vành đai phía Tây thành phố Cần Thơ (nối Quốc lộ 91 với Quốc lộ 61C)	Ô Môn - Bình Thủy - Phong Điền - Ninh Kiều - Cái Răng	A	7863251	2021-2026	3543/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 575/QĐ-UBND ngày 17/3/2025	3.837.742	1.837.742	2.000.000	3.399.184	1.399.184	2.000.000	1.200.000	2.283.884	1.083.884	1.200.000	1.109.376	309.376	800.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Nhóm dự án	Mã dự án	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư					Kế hoạch đầu tư phát triển trung hạn giai đoạn 2021-2025				Lấy kế vốn đã bố trí đến hết năm 2024				Kế hoạch năm 2025		
						Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số	Trong đó		Tổng số	NSDP	NSTW	Tổng số	Trong đó		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó gồm các nguồn vốn	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó	NSTW		NSDP	NSTW					NSDP	NSTW		Sử dụng đất	NSTW
2	Xây dựng và nâng cấp mở rộng Đường tỉnh 923	Ở Môn - Phong Diên	B	7861309	2021-2025	1466/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 2728/QĐ-UBND ngày 02/12/2024 659/QĐ-UBND ngày 13/3/2025	1.035.611	509.948	525.663	1.032.647	506.984	525.663	369.000	49.000	320.000	205.663			205.663		
***	Dự án khởi công mới						49.948	49.948	0	50.000	50.000	0	1.050	1.050	0	5.000	5.000		5.000	5.000	
	Dầu tư hệ thống quản lý giao thông minh (ITS) thành phố Cần Thơ giai đoạn I (Triển khai các hạng mục như Tù tin hiệu, đèn tín hiệu, Camera quan sát CCTV, Hệ thống đo xe VDS và Trung tâm điều khiển)	TP.Cần Thơ	C	7868637	2023-2025	1336/QĐ-UBND ngày 06/06/2023 731/QĐ-UBND ngày 21/3/2025	49.948	49.948		50.000	50.000		1.050	1.050		5.000	5.000		5.000	5.000	